

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI**
Số: 205/2002/QĐ-
BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Về việc bổ sung, sửa đổi danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân
cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại.*

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ vào Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ vào Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ vào Điều 6 của Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ và Thông tư số 10/1998/TT-BLĐTBXH ngày 28/5/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Bảo hộ lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung mới danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại (xem phụ lục 1 kèm theo).

Điều 2: Thay thế một số mục trong Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại đã ban hành kèm theo quyết định số 955/1998/QĐ - BLĐTBXH, quyết định số 1320/1999/QĐ - BLĐTBXH (xem phụ lục 2 kèm theo)

Điều 3: Trang bị bổ sung mũ bảo hiểm đi xe máy cho người làm nghề, công việc có tính chất lưu động nhiều trên các tuyến đường bằng xe máy hai bánh; quần áo chống rét, mũ hoặc khăn chống rét, găng tay chống rét và tất chống rét cho người làm việc ở vùng khí hậu quá lạnh hoặc quá rét nếu chưa được trang bị.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2002./.

I - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1.	- Vận hành máy in số xò cào, máy in tiền.	- Quần áo vải; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giày vải bạt hoặc dép nhựa; - Khẩu trang; - Mặt nạ hoặc bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng ⁽¹⁾ ; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tiếp xúc với hoá chất độc hại.

II - Y TẾ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1.	- Y tế lưu động; - Y tế thôn, bản, xã.	- Quần áo vải trắng hoặc áo choàng trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa; - ủng cao su; - Khẩu trang; - Bộ quần áo đi mưa; - Mũ hoặc nón chống mưa nắng; - Mũ bảo hiểm đi xe máy ⁽¹⁾ ; - áo phao hoặc phao cứu sinh ⁽²⁾ ; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người đi làm việc lưu động nhiều trên đường bằng xe máy. (2) Trang bị cho người đi làm việc ở vùng sông nước hoặc lũ lụt.

2.	- Giải phẫu bệnh và giải phẫu bệnh tế bào.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa; - ủng cao su; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
3	- Sử dụng hoặc tiếp xúc với các chất phóng xạ hoặc tia phóng xạ trong: + Chẩn đoán, điều trị bệnh; + Thăm dò chức năng; + Sản xuất thuốc chữa bệnh...	- Quần áo vải trắng, dày và trơn; - Mũ vải trắng; - Dép nhựa; - Khẩu trang; - Kính chống tia phóng xạ; - Bộ quần áo chống phóng xạ; - Găng tay cao su chống phóng xạ; - Yếm chống tia phóng xạ; - Giày hoặc ủng cao su chống phóng xạ; - Liều kế cá nhân; - Xà phòng.	
4.	- Tiếp xúc với tia tử ngoại, tia hồng ngoại trong: + Khử trùng; + Điều trị bệnh.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính màu chống bức xạ; - Găng tay cao su mỏng; - Dép nhựa; - ủng cao su; - Khẩu trang; - Xà phòng.	
5	- Làm việc trong phòng thí nghiệm y tế, hoá dược.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc;	- Tùy từng công việc cụ

		- Găng tay cao su; - Dép nhựa; - ủng cao su; - Khẩu trang; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Kính trắng chống bụi hoặc chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	thể có thể được trang bị thêm những phương tiện cần thiết khác.
--	--	--	---

III - THẺ DỤC - THẺ THAO

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1.	- Giáo viên, hướng dẫn viên, huấn luyện viên, vận động viên thể thao.	- Quần áo, mũ, giày, tất chuyên ngành thể thao; - Bao đầu gối, cẳng cổ chân, khuỷu tay; - Kính chuyên ngành thể thao; - Xà phòng.	- Nếu được trang bị loại đồng phục nào thì thôi loại phương tiện bảo vệ cá nhân đó.

IV - DU LỊCH

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1.	- Thủ kho thực phẩm lạnh (giao nhận, bảo quản).	- Quần áo vải dày; - Mũ vải; - Khẩu trang; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn; - ủng cao su hoặc giày vải cao cổ; - Tất chống rét; - Xà phòng.	
2.	- Làm vệ sinh ở các bể bơi, hồ bơi; - Xử lý nước cấp, nước thải.	- Quần áo vải; - Mũ hoặc nón chống mưa nắng hoặc mũ bao tóc;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Khẩu trang; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Yếm hoặc tạp dề chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Găng tay cao su chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - ủng cao su chống hoá chất chuyên dùng⁽¹⁾; - Bán mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc chuyên dùng⁽¹⁾; - Xà phòng.	
--	--	--	--

3.	- Giặt, là.	- Quần áo vải; - Mũ vải; - Khẩu trang; - Găng tay cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Dép nhựa hoặc ủng cao su; - Khăn mặt bông⁽¹⁾; - Bán mặt nạ phòng độc⁽²⁾; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm thủ công; (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
4.	- Cứu hộ ở các khu vui chơi giải trí như: bể bơi, hồ bơi, bãi biển.	- Quần áo bơi; - Mũ bơi; - Kính bơi; - Phao cứu sinh hoặc áo phao; - Khăn bông choàng; - Xà phòng.	

V - BẢO HIỂM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1.	- Giám định bảo hiểm hiện	- Kính màu chống bức xạ;	